

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2020/DS-PT

Ngày 10/6/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Giao

Bà Trương Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tồn - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 152/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Mai Thị Kim Th**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 56 Hùng Vương, khóm 2, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu Nh, sinh năm 1991

Địa chỉ: khóm 1, phường 4, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2020).

- Bị đơn: Ông **Võ Thanh B**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 396/7 khóm 5, phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Trần Thị Bạch L**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 531/1 ấp Phú Thành, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông **Đoàn Văn D**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 56, đường H, khóm 2, phường 2, thành phố S, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu Nh, sinh năm 1991

Địa chỉ: khóm 1, phường 4, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2020).

(Anh Nh, ông B có mặt tại phiên tòa; chị L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Mai Thị Kim Th ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu Nh trình bày:*

Ngày 07/11/2017 bà Th có cho ông B, bà L vay số tiền 520.000.000đ, lãi suất 6% tháng, thời hạn 2 tháng trả. Bà Th đã giao tiền cho ông B nhận và ông B có làm biên nhận vay tiền. Cũng trong ngày 07/11/2017 bà Th có cho ông B, bà L vay thêm số tiền 40.000.000đ, lãi suất 3,5% tháng, thời hạn vay 2 tháng. Bà Th đã giao tiền cho ông B nhận và ông B có làm biên nhận vay tiền. Tổng cộng bà Th cho ông B, bà L vay số tiền 560.000.000đ. Đến hết hạn vay ông B, bà L chỉ trả được cho bà Th tiền vốn 100.000.000đ, và lãi 2.800.000đ rồi ngưng, hiện còn nợ 460.000.000đ vốn và lãi.

Nay bà Th yêu cầu ông B, bà L liên đới trả số tiền vốn vay 460.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày vay đến khi tòa án xét xử theo lãi suất do pháp luật quy định.

- *Bị đơn ông Võ Thanh B trình bày:*

Ông B thừa nhận vào ngày 07/11/2017 ông B có vay số tiền tổng cộng 560.000.000đ của bà Th, có làm 2 biên nhận như bà Th trình bày là đúng. Đối với số tiền vay 40.000.000đ ông B chưa trả vốn, lãi; còn đối với số tiền vay 520.000.000đ ông B có nhờ bà L trả dùm 3 lần tổng cộng 300.000.000đ tiền vốn. Cụ thể: lần 1 ngày 21/9/2018 trả cho bà Th, ông D nhận 200.000.000đ; lần 2 ngày 16/11/2018 trả cho ông D nhận 50.000.000đ; lần 3 ngày 03/12/2018 trả cho bà Th nhận 50.000.000đ. Các lần trả trên có làm biên nhận.

Nay ông B đồng ý trả số tiền vốn còn lại $220.000.000đ + 40.000.000đ = 260.000.000đ$ và số tiền lãi theo quy định pháp luật.

Việc ông B vay tiền của bà Th không liên quan đến bà L, bà L chỉ là người ông B nhờ đưa tiền trả nợ cho bà Th. Bà L và ông B không phải vợ chồng như bà Th trình bày.

Trường hợp Tòa án giải quyết xác định số tiền 200.000.000đ chưa trả cho bà Th thì ông B không có yêu cầu gì đối với bà L trong vụ kiện này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bạch L trình bày:*

Ông B có nhờ bà L trả tiền cho bà Th 300.000.000đ như ông B trình bày là đúng. Bà L đã đưa tiền cho bà Th và ông D nhận xong. Bà L không có liên quan gì trong việc ông B vay tiền của bà Th. Bà L cũng không phải vợ của ông B như bà Th trình bày. Bà L không đồng ý liên đới với ông B trả nợ theo yêu cầu của bà Th.

Trường hợp Tòa án giải quyết số tiền ông B phải trả cho bà Th thì bà L không có yêu cầu gì đối với ông D, cũng không có yêu cầu gì trong vụ kiện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn D ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu Nh trình bày:

Ông D là chồng bà Th, việc vay tiền là quan hệ giao dịch giữa vợ ông với ông B và bà L, ông D không có tham gia. Ông D có nhận đủ nợ ông tiền trả một lần do cô L giao số tiền 50.000.000đ. Ông D không có yêu cầu gì trong vụ kiện.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Kim Th ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu Nh.

2. Buộc bị đơn ông Võ Thanh B trả cho bà Th số tiền vốn vay 460.000.000đ và lãi 100.829.700đ. Tổng cộng vốn, lãi 560.829.700đ (Năm trăm sáu mươi triệu tám trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí:

Ông Võ Thanh B nộp 26.433.188đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Mai Thị Kim Th nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.264.800đ theo biên lai số 0009812 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Sau khi khấu trừ trả cho bà Th nhận lại 13.964.800đ tiền tạm ứng án phí.

- Ngày 03/12/2019 ông Võ Thanh B kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S.

- Tại phiên tòa ông B phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án xem xét lại tất cả số tiền nợ từ năm 2013 đến năm 2017 và xem xét lãi gộp vốn.

- Tại phiên tòa anh Nh phát biểu: Không đồng ý với kháng cáo của ông B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện

kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Bạch L vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông B đề nghị xem xét lại khoản tiền vay từ năm 2013 đến ngày 07/11/2017 và cho rằng đã trả lãi cao cho bà Th, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình tòa án giải quyết ông B đều thừa nhận có viết 02 biên nhận ngày 07/11/2017 vay số tiền 520.000.000đ và 40.000.000đ, tổng cộng 560.000.000đ của bà Th. Đây là tình tiết được hai bên đương sự thừa nhận nên không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS.

Đối với khoản vay 520.000.000đ, ông B trình bày có nhờ bà L trả tiền cho bà Th 03 lần số tiền 300.000.000đ (gồm 1 lần trả 200.000.000đ và 2 lần trả mỗi lần 50.000.000đ). Tuy nhiên bà Th chỉ thừa nhận có nhận 02 lần với số tiền 100.000.000đ.

Bà Th không thừa nhận có nhận 200.000.000đ vào ngày 21/9/2018. Ông B xuất trình 01 biên nhận để chứng minh có trả 200.000.000đ vốn cho bà Th, tuy nhiên biên nhận này do bà L viết nhưng không có chữ ký của người nhận tiền. Do đó không đủ cơ sở để chứng minh bà Th có nhận 200.000.000đ tiền vốn. Phần này tại phiên tòa phúc thẩm ông B xác nhận là đồng ý với bản án sơ thẩm, không có kháng cáo phần 200.000.000đ, mà để ông B tự giải quyết với chị L.

Xét ông B trình bày số tiền 520.000.000đ là gộp chung của nhiều khoản vay từ năm 2013 và tính lãi cao nhưng ông B không có trình bày trả lãi cho bà Th, đến ngày 07/11/2017 mới làm lại biên nhận lãi gộp vốn mới ra số tiền 520.000.000đ. Tuy nhiên, phía ông B không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh có việc gộp chung số tiền vay và trả lãi cao nên không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với việc ông B cho rằng bà Th kêu nhiều người đến uy hiếp ông B viết biên nhận nhưng ông B cũng không có chứng cứ chứng minh được có sự việc trên. Tại phiên tòa phúc thẩm ông B trình bày là không có trình báo với cơ quan có thẩm quyền về việc bị uy hiếp và sau đó ông B cũng có trả vốn cho bà Th số tiền 100.000.000đ.

Đối với việc ông B kháng cáo yêu cầu điều chỉnh lãi suất do bản án sơ thẩm tính 6%/tháng nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

Từ đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy ông B có vay của bà Th số tiền tổng cộng 560.000.000đ, đã trả được 100.000.000đ nên phải có nghĩa vụ trả số tiền

còn lại. Trong đó trả vốn 460.000.000đ và lãi cho bà Th là đúng theo quy định của pháp luật và cần trừ số tiền lãi mà ông B đã đóng là 2.800.000đ.

Khi vay các bên có thỏa thuận lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp nên tính lãi suất áp dụng là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Cụ thể số tiền lãi phải trả là: 103.629.700đ. Nhưng trừ số tiền lãi ông B đã trả 2.800.000đ; còn lại phần lãi phải trả là 100.829.700đ (= 103.629.700đ - 2.800.000đ).

Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bà L liên đới trả nợ cho bà Th là phù hợp và đương sự không có kháng cáo phần này nên không xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của ông B không có cơ sở nên không chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Võ Thanh B.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Kim Th.

2. Buộc ông Võ Thanh B trả cho bà Th số tiền vốn vay 460.000.000đ và lãi 100.829.700đ. Tổng cộng vốn, lãi 560.829.700đ (Năm trăm sáu mươi triệu tám trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí:

- Bà Mai Thị Kim Th nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.264.800đ theo biên lai số 0009812 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, nên trả lại cho bà Th 13.964.800đ.

- Ông Võ Thanh B nộp 26.433.188đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Võ Thanh B nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0004403 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND TP. S;
- Chi cục THADS TP. S;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thông